

## 462. Chuyện Vương Tử Samvara (Tiền thân Samvara)

### Quả xưa thánh thượng đã tinh tường..

Chuyện này bậc Đạo Sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo không giữ tinh tấn.

Chúng ta biết đây là một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết Pháp, người này từ bỏ thế tục. Đang khi hoàn thành mọi nhiệm vụ do các giáo sư và các vị giáo thọ đề ra, người ấy vừa học thuộc lòng các chi phần của Giới bốn Patimokka. Sau năm năm ông nói:

- Khi nào ta đã được chỉ dạy pháp môn nhập thiền định, ta sẽ vào an trú trong rừng.

Sau đó, ông từ giã các giáo sư, tiến vào một làng ở biên địa trong vương quốc Kosala. Dân chúng hài lòng với cách ăn ở của ông, nên ông dựng am lá ở đó được cung phụng đầy đủ. Vào mùa mưa, với nhiệt tâm tinh cần, nỗ lực phấn đấu, ông cố gắng đạt đến thiền định trong vòng ba tháng, song chẳng đạt được chút gì từ việc này cả. Sau đó ông suy nghĩ: "Quả thật ta là người đầy nhiệt tâm đối với các thế gian pháp nhất trong bốn hạng người được bậc Đạo Sư thuyết giảng. Ta còn làm gì nữa với đời sống trong rừng?" Rồi ông lại nghĩ thầm: "Ta sẽ trở về Kỳ Viên, trong lúc chiêm ngưỡng hảo tướng của đức Như Lai và nghe giọng Ngài thuyết Pháp dịu ngọt như mật, ta sẽ sống cả đời tại đó".

Thế là người ấy giám sát lòng tinh tấn, và lên đường lần hồi đi đến Kỳ Viên. Các giáo sư và các vị giám hộ của ông, cùng bạn bè thân thuộc hỏi ông về nguyên nhân trở về đây. Ông bảo cho các vị kia biết, đại chúng đều chê trách ông về việc này và chất vấn ông tại sao lại làm như vậy. Sau đó đại chúng dẫn ông đến yết kiến bậc Đại Sư.

- Nay các Tỷ-kheo - bậc Đạo sư hỏi - tại sao các ông dẫn một Tỷ-kheo đến đây mà kẻ ấy không muốn?

Tăng chúng đáp:

- Tỷ-kheo này đã đến đây vì ông đã giám sát tinh tấn.

- Việc này có đúng như họ nói với Ta chăng? Bậc Đạo sư hỏi.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Người ấy đáp.

Bậc Đạo sư bảo:

- Nay Tỷ-kheo, tại sao ông không còn tinh tấn nữa? Đối với một người yếu kém và lười biếng, không có quả vị cao cả nào dành cho y trong giáo pháp này, y cũng không thể đạt Thánh quả. Chỉ những kẻ nào nỗ lực tinh cần mới hoàn thành việc ấy được. Ngày xưa ông đầy đủ dũng lực, lại dễ dạy bảo và vì thế dù là nhỏ tuổi nhất trong đám cả trăm vương tử của vua Ba-la-nại, ông cũng đã chiếm được chiếc lông trắng nhờ tuân theo đúng lời giáo huấn của các bậc hiền nhân.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

\*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, vị trẻ tuổi nhất trong số một trăm vương tử của ngài tên là vương tử Samvara. Vua giao mỗi con trai ngài cho một vị cận thần đảm trách cùng với lời chỉ dẫn để dạy mỗi người những môn học cần phải học tập. Vị cận thần dạy cho vương tử Samvara là Bô-tát, ngài thật sáng suốt, học rộng, làm tròn nhiệm vụ như người cha đối với vương tử kia. Trong khi mỗi vị vương tử được giáo dục như thế, các cận thần thường đem họ đến để vua cha thăm viếng. Ngài ban cho mỗi vị một thị trấn và truyền lệnh ra đi nhận chức.

Khi vương tử Samvara hoàn thành mọi việc học tập, chàng hỏi Bô-tát:

- Thưa dưỡng phụ, nếu phụ vương đưa con đến một thị trấn thì con phải làm gì?

Ngài đáp:

- Nay con, khi con được ban cho một thị trấn, con phải từ chối và tâu: "Tâu phụ vương, con là con út trong nhà, nếu đi nữa thì sẽ không còn ai dưới chân phụ vương, nên con muốn ở lại nơi đang sống đây dưới chân phụ vương thôi".

Rồi một ngày kia, khi vương tử Samvara đến đánh lễ ngài và đang đứng một bên, vua hỏi chàng:

- Nay vương nhi, con đã học tập xong chưa?

- Tâu phụ vương, đã xong.

- Vậy con hãy lựa một thị trấn.

- Tâu phụ vương, nếu vậy thì quanh mình phụ vương sẽ trống vắng, vương nhi xin ở lại dưới chân phụ vương, chứ không đi đâu khác.

Vua rất hoan hỷ và bằng lòng ngay.

Sau khi chàng ở lại bên mình vua cha, chàng hỏi Bô-tát:

- Thưa dưỡng phụ, con phải làm gì nữa?

Ngài bảo:

- Hãy xin vua cha một nụ viên cũ.

Vương tử đồng ý và xin một hoa viên với số hoa quả trồng tại đó, chàng kết bạn cùng những người thế lực trong kinh thành. Chàng lại hỏi phải làm gì nữa. Bô-tát bảo:

- Hãy xin vua cha cho phép phân phát tiền của khắp kinh thành.

Chàng làm theo và không hề bỏ quên một người nào, chàng phân phát tiền của khắp kinh thành. Chàng lại hỏi ý kiến Bô-tát và sau khi xin vua cha chấp thuận, chàng phân phát thực phẩm trong cung điện, bọn nô tỳ, bầy ngựa và quân lính, không sót nơi nào; đối với sứ giả các nước ngoài, đến,

chàng sắp đặt nơi ăn chốn ở cho họ, chàng ấn định thuế má cho các thương nhân, mọi việc gì cần thu xếp, chàng đều làm một mình cả.

Như vậy theo lời khuyên của bậc Đại sĩ, chàng kết bạn với mọi người, cả những người sống trong gia đình cho đến những người không gia đình, mọi người trong kinh thành, các triều thần của quốc độ này cho đến đám ngoại nhân, nhờ sức thu hút của chàng kết hợp bằng hữu lại với chàng như thể một sợi dây sắt: chàng được mọi người yêu mến thiết thân.

Đến khi vua lâm trọng bệnh trên vương sàng, triều thần hỏi ngài:

- Tâu chúa thượng, khi chúa thượng băng hà, chúng thần sẽ trao chiếc lọng trắng cho ai?

Ngài đáp:

- Nay các hiền khanh, các vương tử của ta đều có quyền được chiếc lọng trắng, song các khanh hãy trao nó cho người nào làm hài lòng các khanh.

Vì vậy sau khi ngài băng hà, và khi lễ tang đã được cử hành xong, vào ngày thứ bảy, quần thần tụ họp lại và bảo:

- Tiên vương ra lệnh cho chúng ta trao chiếc lọng trắng cho người nào làm vừa lòng chúng ta. Vậy người mà tâm chúng ta hằng ao ước chính là vương tử Samvara.

Cho nên đại chúng giương chiếc lọng trắng che lên đầu chàng cùng với các dây tua bằng vàng, và chàng được cả vương tộc hộ tống lên ngôi.

Đại vương Samvara tuân thủ lời khuyên răn của Bồ-tát nên cai trị rất đúng Chánh pháp.

Còn chín mươi chín vị vương tử hay tin vua cha từ trần và chiếc lọng trắng đã giương lên cho vương tử Samvara. Các vị bảo:

- Nhưng nó là em út trong nhà, chiếc lọng không thuộc về nó được. Chúng ta hãy giương chiếc lọng lên cho vị huynh trưởng của chúng ta.

Họ đều tập hợp mọi lực lượng lại, và gửi thư đến Samvara, buộc chàng hoàn trả chiếc lọng nếu không thì sẽ giao chiến, sau đó các vị bao vây kinh thành. Vua báo tin này với Bồ-tát và hỏi phải làm gì bây giờ. Ngài đáp:

- Nay đại vương, ngài không nên gây chiến với các vương huynh. Hãy chia bạc vàng của vua cha thành một trăm phần, rồi chín mươi chín phần đến các vương huynh cùng thông điệp này: "Xin hãy nhận phần tài sản của phụ vương vì tiểu đệ không muốn gây chiến với các vương huynh".

Vua liền làm như thế.

Sau đó vị huynh trưởng, thái tử Uposatha, triệu tập các vương tử kia lại bảo:

- Nay các hiền đệ, không ai có khả năng chiến thắng vị vua này được, và đây lại là em út của ta. Mặc dù trước đây, đó là kẻ thù của ta, nay không phải như vậy nữa, mà em ta gởi vàng bạc đến chúng ta, không muốn gây chiến với chúng ta. Giờ đây chúng ta không thể nào cùng một lúc giương cao chiếc lọng lên cho mọi người được, chúng ta hãy giương lọng lên cho một người thôi, hãy để một mình em út ta làm vua, vậy khi chúng ta gặp em ta, chúng ta sẽ giao trả vàng bạc của vương tộc cho em ta, và trở về thị trấn của mình.

Sau đó tất cả các vị ấy ngưng việc vây hãm kinh thành và đi vào trong thành, không còn là thù địch nữa. Vua bảo triều thần ra nghênh tiếp các vị và đại chúng đi đón các vương tử ấy. Các vương tử cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ vào, bước lên các bậc thềm của cung điện, hết sức khúm núm trước đại vương Samvara và ngồi xuống một chỗ thấp. Còn vua Samvara ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng trông ngai thật uy nghi cao cả và rực rỡ huy hoàng; bất cứ nơi nào ngai nhìn đến, đại chúng đều rung động toàn thân.

Thái tử Uposatha chiêm ngưỡng cảnh nguy nga lộng lẫy của đại vương Samvara, nghĩ thầm: "Ta chắc phụ vương ta biết rõ là vương tử Samvara sẽ làm vua sau khi ngài băng hà, nên ngài đã ban cho chúng ta các thị trấn mà chẳng cho vương đệ ta vùng nào cả". Sau đó chàng ngâm ba vần kệ nói với vua:

*1. Quả xưa thánh thượng đã tinh tường,  
Bản chất tính tình của đại vương,  
Ấn đã ban nhiều vương tử khác,  
Đại vương lại chẳng được ban phần.*

*2. Chính là vương phụ lúc sinh thời,  
Hay lúc thành tiên, đến cõi trời,  
Vì thấy lợi nhiều cho quốc độ,  
Nên vương tộc đã thuận theo lời.*

*3. Hãy nói lực gì, Sam-va-ra,  
Đại vương vượt hẳn cả hoàng gia,  
Sao vương huynh lại không đoàn kết,  
Để chiếm ngôi cao của đệ à?*

Nghe vậy vua Samvara ngâm sáu vần kệ giải thích đặc tính của ngài:

*4. Ta chẳng bao giờ miễn cưỡng dưng  
Nhưng gì xứng với đại hiền nhân,  
Sẵn sàng ban tặng đầy trân trọng,  
Đánh lê, ta quỳ xuống dưới chân.*

*5. Ta chẳng tỵ hiềm, muốn học luôn  
Mọi điều đức hạnh hợp công bằng,  
Các hiền nhân dạy điều lương thiện  
Trong ấy các ngài thấy lạc hoan.*

6. *Ta vẫn thường nghe sự bảo ban  
Của nhiều bậc trí, đại hiền nhân,  
Tâm hồn ta hướng về lương thiện,  
Ta chẳng coi thường lời dạy răn.*

7. *Voi chiến cùng nhiều đạo mã xa,  
Bộ binh và vệ sĩ vương gia,  
Ta không hề bớt phần công nhật,  
Mà trả tiền lương đủ mọi nhà.*

8. *Quý tộc danh gia vẫn đến hầu,  
Quân sư tài trí thật là cao,  
Họ thường khen ngợi rằng lương thực,  
Quả thật Ba-la-nại rất giàu.*

9. *Thịnh vượng như vậy, các lái buôn,  
Từ nhiều quốc độ tới lui luôn,  
Ta che chở chúng - Nay vương tử,  
Sự thật, hiền huynh đã tỏ tường.*

Thái tử Uposatha nghe kể rõ đức tính của vua liền ngâm hai vản kệ:

10. *Đạo đức vượt hơn gia tộc mình,  
Và em cai trị thật công bình,  
Sam-va tài trí càng cao trọng,  
Phục lạc ban đều các đại huynh.*

11. *Vương huynh rày bảo vệ kho tàng,  
Vương đệ sau này sẽ vạn an,  
Tránh khỏi quân thù như Đế Thích  
Mình vàng tránh các La-hầu-vương.*

Vua Samvara tiếp đãi các vương huynh rất trọng thể. Các vị ở lại cùng vua một tháng rưỡi, rồi bảo vua:

- Tâu đại vương, chúng thần muốn đi xem có trộm cướp nào đặt chân lên lãnh thổ của chúng thần chẳng. Cầu mong triều đại này được vạn vạn phúc!

Các vị ấy lại ra về lãnh thổ của mọi người. Còn vua theo lời dạy của Bồ-tát, nên khi mạng chung, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

\*

*Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài nói thêm:*

- Nay Tỷ-kheo, xưa kia ông đã theo lời dạy bảo, tại sao nay ông lại không tiếp tục nỗ lực tinh cần?

Rồi Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Bảy giờ, lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, Tỷ-kheo này là vua Samvara, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là thái tử Uposatha, các vị trưởng lão và cao niên là các vương huynh kia, các đệ tử của đức Phật là đám tùy tùng của các vị ấy, và Ta chính là vị cận thân đã khuyến giáo vua.

-ooOoo-

### **463. Chuyện Trí Giả Suppàraka (Tiền thân Suppàraka)**

**Những người kia mũi nhọn như dao..,**

Chuyện này bậc Đại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng về buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết Pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại chánh pháp đường, các vị nói với nhau:

- Này Tỷ-kheo, quả thật bậc Đạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mẫn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng đáng Thập Lực, như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể chạm đến bờ được, hoặc nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt đến trí tuệ bằng đáng Thập Lực, hoặc nếu kẻ ấy đến chân bậc Đạo Sư thì sẽ vỡ tan.

Bằng những lời ấy Tăng chúng tán thán Trí tuệ tối thắng của đáng Thập Lực. Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?

Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng biết qua các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này nọ.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

\*

Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Đầm Bharu. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka-Kumàra.

Ngài lớn lên, xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mại nữa, mà quyết định về phục vụ vua, ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

- Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyên ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

- Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay sờ khắp xe và bảo:

- Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người đem dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:

- Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.

Lúc bấy giờ bậc trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đây. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.

Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không còn tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.

- Này các hiền hữu - ngài đáp - ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?

- Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.

Vị họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.

- Như các bạn đã nói với ta - ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.

Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là Biển Khuramàla (Bãi Dao nhọn hoắc). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắc như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại Sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vần kệ đầu:

*1. Đám người kia mũi nhọn như dao,  
Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào,  
Hãy nói, Sup-pà, cho chúng bạn,  
Biển này được biết với tên nào?*

Bậc Đại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vần kệ thứ hai:

*2. Này các thương nhân cảng Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cá Khu-ra đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng tham hốt nhiều kim cương. Vì thế, ngài không nói gì cả, song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá. Với dây này, ngài đã hốt được một mớ kim cương và giấu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng Lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bùng cháy, như mặt trời đứng ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vần kệ:

*3. Kia đại dương như ngọn lửa hồng,  
Như vầng nhật chiếu, bạn cùng trông,*

*Sup-pa, xin nói cho bè bạn,  
Tên gọi là gì chốn đại dương?*

Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:

*4. Nay các thương nhân ở Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cả Ag-gi đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng Sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vần kệ:

*5. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,  
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,  
Sup-pà, xin nói cùng bè bạn,  
Tên gọi là gì của biển khơi?*

Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bằng câu kệ tiếp theo:

*6. Nay các thương nhân ở Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cả Da-dhi đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:

*7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường,  
Tường như nhìn đám lúa nàng hương,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Tên gọi là gì của đại dương?*

Ngài đáp lời qua vần kệ tiếp theo:

*8. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đại dương đây chính Ku-sa đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi Lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vần kệ:

9. Kia đại dương như một khóm lau,  
Khác nào ta thấy rặng tre đâu,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Biển cả này tên gọi thế nào?

Bậc Đại sĩ đáp lại qua vần kệ sau:

10. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Biển này tên gọi Na-la đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.

Bấy giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu.

Sau khi đi qua biển Nalamàla, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hồ sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoàng và hỏi tên biển qua vần kệ:

11. Nay nghe tiếng thét thật kinh hoàng,  
Từ biển cả kia thật dị thường!  
Hồ thăm, hãy nhìn nhiều đợt sóng  
Dâng lên dốc đứng tựa sườn non,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Đây gọi tên gì của đại dương?

Bồ-tát đáp lại qua vần kệ:

12. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Va-la-bhà đại dương này đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.

Ngài nói tiếp:

- Nay các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukkhi này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chôn địa ngục tận cùng (Vô gián Địa ngục). Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:

- Nay các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bạc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vãn kệ cuối cùng:

*13. Từ khi ta nhớ rõ về thân,  
Trí tuệ đầu tiên phát khởi dân,  
Không một người nào ta sát hại,  
Là điều ta đã biết tinh tường,  
Nều lời cầu nguyện này chân chánh,  
Mong ước thuyền về chốn vạn an.*

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1 cubit = 45cm). Bạc Đại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc trân châu, san hô, kim cương và bảo:

- Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.

Sau đó ngài thuyết Pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

\*

*Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:*

- *Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.*

*Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*

- *Thời bấy giờ hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppàraka.*

-ooOoo-